TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Tư
Bà Nguyễn Thị Nghĩa.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Võ Văn T - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: ấp 6, xã M1, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-02-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị N trình bày: bà N và ông Võ Văn T cưới nhau năm 2003, đăng ký kết hôn ngày 20-01-2003 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M1, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến tháng 12 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Bà N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và sống ly thân với ông T từ tháng 12 năm 2012 đến nay.

Về hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: bà N và ông T có 03 con chung tên Võ Thị Mỹ Th, sinh ngày 04-6-2003; Võ Nhật H, sinh ngày 15-3-2006 và Võ Thị Mỹ Tr, sinh ngày 14-4-2011. Cả 03 con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2012 đến nay. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Ông Võ Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: bà N và ông T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không có cơ hội đoàn tụ. Các con chung đều do bà N trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2012 đến nay và thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N và giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Văn T. Ông T cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N: bà Đặng Thị N và ông Võ Văn T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 20-01-2003 tại UBND xã M1, huyện Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên gây cãi, bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân từ tháng 12 năm 2012 đến nay. Tòa án đã triệu tập ông T để hòa giải hai lần nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông vì vậy không có cơ hội cho bà N và ông T đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà N: Ông T không có ý kiến về con chung và việc nuôi con chung. Cả 03 con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2012 đến nay và đều thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với bà N. Do đó để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự ổn định để phát triển tốt nhất cho con chung thì giao cả 03 con chung cho bà N nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự định đoạt của bà N, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N cho rằng bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tài sản và nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án này. Nếu sau này giữa bà N và ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản hoặc về nợ thì giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Với những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và giao con chung cho bà N nuôi là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N đối với ông Võ Văn T về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: Bà Đặng Thị N được quyền trực tiếp nuôi 03 con chung tên Võ Thị Mỹ Th, sinh ngày 04-6-2003; Võ Nhật H, sinh ngày 15-3-2006 và Võ Thị Mỹ Tr, sinh ngày 14-4-2011. Hiện cả 03 con chung đang sống với bà N. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà N và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số 0004957 ngày 13-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Tây (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.